

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình

- ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019, về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Ph Tr, xã Ph H, huyện A P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Khải T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: số 1328, Tr H Đ, khóm Đ A1, phường M X, thành phố L X, tỉnh An Giang.

(Bà Th có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/6/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị Th trình bày:

Bà Th và ông T kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M X, thành phố L X, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Bà Th nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không đạt được mục đích nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Khải T. Cụ thể:

Về con chung: Bà Th và ông T có 01 (một) con chung tên Huỳnh Ngọc Thiện D, sinh ngày 28/3/2016 hiện đang sống chung với bà Th. Sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về T sản chung và nợ chung: Bà Th và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

Bị đơn Huỳnh Khải T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Th yêu cầu ly hôn với ông T; bị đơn có địa chỉ số 1328, Tr H Đ, khóm Đ A1, phường M X, thành phố L X, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân và gia đình:

Hôn nhân giữa bà Th và ông T trên cơ sở tự tìm hiểu và được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cả hai không có biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy ông T không cung cấp lời khai liên quan đến yêu cầu khởi kiện nhưng ông đã trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng của Tòa điều này cho thấy mặc nhiên ông từ bỏ quyền của mình; bên cạnh đó có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Bà Th và ông T có 01 (một) con chung tên Huỳnh Ngọc Thiện D, sinh ngày 28/3/2016 hiện đang sống chung với bà Th. Sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Thiện D. Xét thấy, thời gian qua cháu D được bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định đời sống cho cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà Th xác định không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về T sản chung và nợ chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của bà Th không nợ chung ai, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có căn cứ cho rằng nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Th và ông T phải chịu trách nhiệm liên đới với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí:

Bà Th có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Th đối với ông Huỳnh Khải T :

+ Về hôn nhân và gia đình: Bà Đặng Thị Th được ly hôn với ông Huỳnh Khải T.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn giao con chung cháu Huỳnh Ngọc Thiện D, sinh ngày 28/3/2016 cho bà Đặng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Khải T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Th không có yêu cầu.

Bà Th phải tạo điều kiện cho ông T trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

+ Về T sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0004291 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L X, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo:

+ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong

